

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng đầu tư”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Toàn

2. Ông Lê Văn Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Đ;

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V- Chức vụ: Trưởng trạm nông vụ T- Công ty Đ; nơi cư trú: Thôn Phú Hòa, xã Q, thị xã N (Theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-BHS-NH ngày 08/11/2023); có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn Buông Đung, xã T, thị xã N, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Đ (gọi tắt là Công ty) và bà Lê Thị H có ký Hợp đồng đầu tư ứng vốn trồng, chăm sóc mía và cam kết tiêu thụ sản phẩm vụ 2017/2018 tại Khánh Hòa số: 423/NTY/G/DTTTTKH-17 ngày 28/4/2017 và Phụ lục số 02 ngày 13/12/2017. Theo đó Công ty đã tạm ứng vốn đầu tư cho bà Lê Thị H số tiền 56.039.500đ để bà H sử dụng trồng và chăm sóc mía trong vụ 2017-2018. Tổng diện tích Công ty đầu tư cho bà H trồng mía vụ 2017-2018 là 3ha mía gốc (gốc mía đã thu vụ trước). Theo thỏa thuận thì sau khi thu hoạch mía bà H cam kết phải bán toàn bộ sản lượng mía trên diện tích đầu tư cho Công ty và Công ty có nghĩa vụ thu mua mía theo các tiêu chuẩn do Công ty đưa ra để thu hồi tiền ứng đầu tư.

Tuy nhiên, bà H không nhập đủ sản lượng mía để thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận đã ký với Công ty và còn nợ lại của Công ty số tiền gốc là 30.690.011đ. Trong thời gian từ ngày 09/12/2019 đến nay, Công ty đã nhiều lần mời làm việc, nhắc nhở và gặp trực tiếp bà H để ký xác nhận công nợ và cam kết thanh toán nợ, tạo điều kiện về thời gian cho bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đầu tư đã ký kết với Công ty, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại điểm 5.2.1.1 và 5.2.1.2 khoản 5.2 Điều 5 và điểm 5.2.3 khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng đầu tư.

Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị H phải trả một lần cho Công ty số tiền gốc 30.690.011đ và tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc tính từ ngày 05/01/2024 cho đến ngày 25/3/2024 với lãi suất 1,5% lãi suất Ngân hàng VCB với số tiền là 15.700.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Lê Thị H nhưng bà H cố tình trốn tránh, không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nộp ngày 24/7/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị H phải trả tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc tính từ ngày 05/01/2024 cho đến ngày 25/3/2024 với lãi suất 1,5% lãi suất Ngân hàng VCB với số tiền là 15.700.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho Công ty số tiền gốc 30.690.011đ và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 15.700.000đ mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Đ ông Nguyễn Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 28/4/2017, Công ty Đ (gọi tắt là Công ty) và bà Lê THỊ H có ký Hợp đồng đầu tư ứng vốn trồng, chăm sóc mía và cam kết tiêu thụ sản phẩm vụ

2017/2018 tại Khánh Hòa số: 423/NTY/G/DTTتكH-17 và Phụ lục số 02 ngày 13/12/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đầu tư đã ký kết với Công ty, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty khởi kiện bà H tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Bà Lê Thị H là bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn Buôn Đung, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị H phải trả một lần cho Công ty số tiền gốc 30.690.011đ theo Hợp đồng đầu tư đã được ký kết giữa hai bên.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà H không nhập đủ sản lượng mía để thanh toán nợ đúng hạn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đầu tư đã ký kết với Công ty, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại điểm 5.2.1.1 và 5.2.1.2 khoản 5.2 Điều 5 và điểm 5.2.3 khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng đầu tư. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán nợ gốc đã đầu tư là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Lê Thị H phải trả tiền lãi chậm trả với số tiền là 15.700.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả là 15.700.000đ của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ được chấp nhận, vì vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho Công ty Đ số tiền vốn đầu tư trồng mía là 30.690.011 (ba mươi triệu sáu trăm chín mươi ngàn không trăm mười một) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với số tiền lãi là 15.700.000 (mười lăm triệu bảy trăm ngàn) đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 1.534.500 (một triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Đ số tiền 1.112.829 (một triệu một trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0005253 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh